

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO2
NĂM BÁO CÁO 2013

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

| | |
|---------------------------|--|
| Tên giao dịch | CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO2 |
| Tên giao dịch quốc tế | VNECO2 ELECTRICITY CONSTRUCTION JOINT-STOCK COMPANY. |
| Giấy CNĐKDN | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần 5 ngày 27 tháng 06 năm 2012. Mã số doanh nghiệp 2900559122 |
| Vốn điều lệ | 21.588.800.000 đồng |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 21.588.800.000 đồng |
| Địa chỉ | 13 Mai Hắc Đế - TP Vinh - Nghệ An |
| Điện thoại | 0383 842195 |
| Fax | 0383 840944 |
| Website | vneco2.com.vn |
| Mã chứng khoán | VE2 |

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2 được thành lập từ năm 1990, tiền thân là Trung tâm Thiết kế và Xây lắp lưới điện phân phối theo Quyết định số 1890 XLĐ3/P6 ngày 28/06/1990 của Giám đốc Công ty Xây lắp điện 3.

Ngày 30/06/1993 Bộ Năng Lượng đã có Quyết định số 567 NL/TCCB-LĐ thành lập Xí nghiệp Xây dựng điện và vật tư trực thuộc Công ty Xây lắp điện 3 theo Nghị định 388/HĐBT trên cơ sở Trung tâm Thiết kế và Xây lắp lưới điện phân phối.

Thực hiện sắp xếp đổi mới hoạt động các đơn vị trực thuộc trong mô hình Công ty mẹ - Công ty con, ngày 05/06/2003 Bộ trưởng Bộ công nghiệp đã có Quyết định số 95/2003/QĐ-BCN về việc chuyển xí nghiệp Xây dựng điện và Vật

tư thành Công ty Xây lắp điện 3.2 (Thuộc loại hình Công ty TNHH Nhà nước một thành viên) trực thuộc Công ty Xây lắp điện 3.

Căn cứ Quyết định số 159/2004/QĐ-BCN ngày 06/12/2004 của Bộ Công nghiệp về việc chuyển Công ty Xây lắp điện 3.2 thành Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3.2, thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2006 đổi tên Công ty cổ phần Xây lắp điện 3.2 thành Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2.

Ngày 26 tháng 7 năm 2010 cổ phiếu Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO2 chính thức được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là VE2.

Từ ngày đầu khi mới thành lập đến nay Công ty đã tham gia xây dựng nhiều công trình xây lắp lưới điện phân phối trên địa bàn cả nước. Đến nay Công ty đã xây dựng hàng nghìn Km đường dây cao, hạ thế có cấp điện áp từ 0,4kV đến 500kV, xây dựng, cải tạo, lắp đặt hàng trăm trạm biến áp phân phối và trung gian từ 6kV đến 500kV. Là một thành viên trong tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con của Tổng công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam - VNECO Công ty đã tham gia xây dựng nhiều dự án lớn của Nhà nước như “Điện khí hóa Đồng bằng sông Cửu Long”, “ Năng lượng Nông thôn Việt Nam”, “ Nâng cao hiệu suất lưới điện, cổ phần hóa và năng lượng tái tạo (SEIER)”. Ngoài ra Công ty còn tham gia thi công nhiều công trình trọng điểm của quốc gia như : Các đường dây 500kV, các công trình đường dây 220kV mua điện của Trung Quốc.

Năm 2002 Công ty đã mở rộng sản xuất đầu tư dây chuyền sản xuất gạch không nung (Block) theo công nghệ của Cộng hòa liên bang Đức được nhập khẩu trực tiếp từ Hàn Quốc công suất 25 triệu viên tiêu chuẩn/ năm đặt tại 13 Mai Hắc Đế - TP Vinh – Nghệ An . Với lợi thế dây chuyền sản xuất hiện đại sản phẩm phong phú đa dạng và luôn đảm bảo chất lượng, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật nên các sản phẩm gạch Block của Công ty đã được nhiều khách hàng là tập thể, cá nhân lựa chọn. Công ty đã góp phần không nhỏ trong chương trình chỉnh trang đô thị của địa phương và các tỉnh bạn. Hưởng ứng tích cực “Chương trình phát triển vật liệu xây dựng không nung đến năm 2020” theo quyết định số 567/2010 của Thủ tướng Chính phủ từ năm 2002 đến nay Công ty đã xây dựng hàng trăm ngàn m² vỉa hè và công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị khác đồng thời sản xuất hàng chục triệu viên gạch lát, gạch xây Block cung ứng ra thị trường.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

+ Ngành nghề kinh doanh:

1. Xây lắp các công trình điện năng (hệ thống lưới điện và trạm biến áp đến 500KV, các công trình nguồn điện)
2. Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

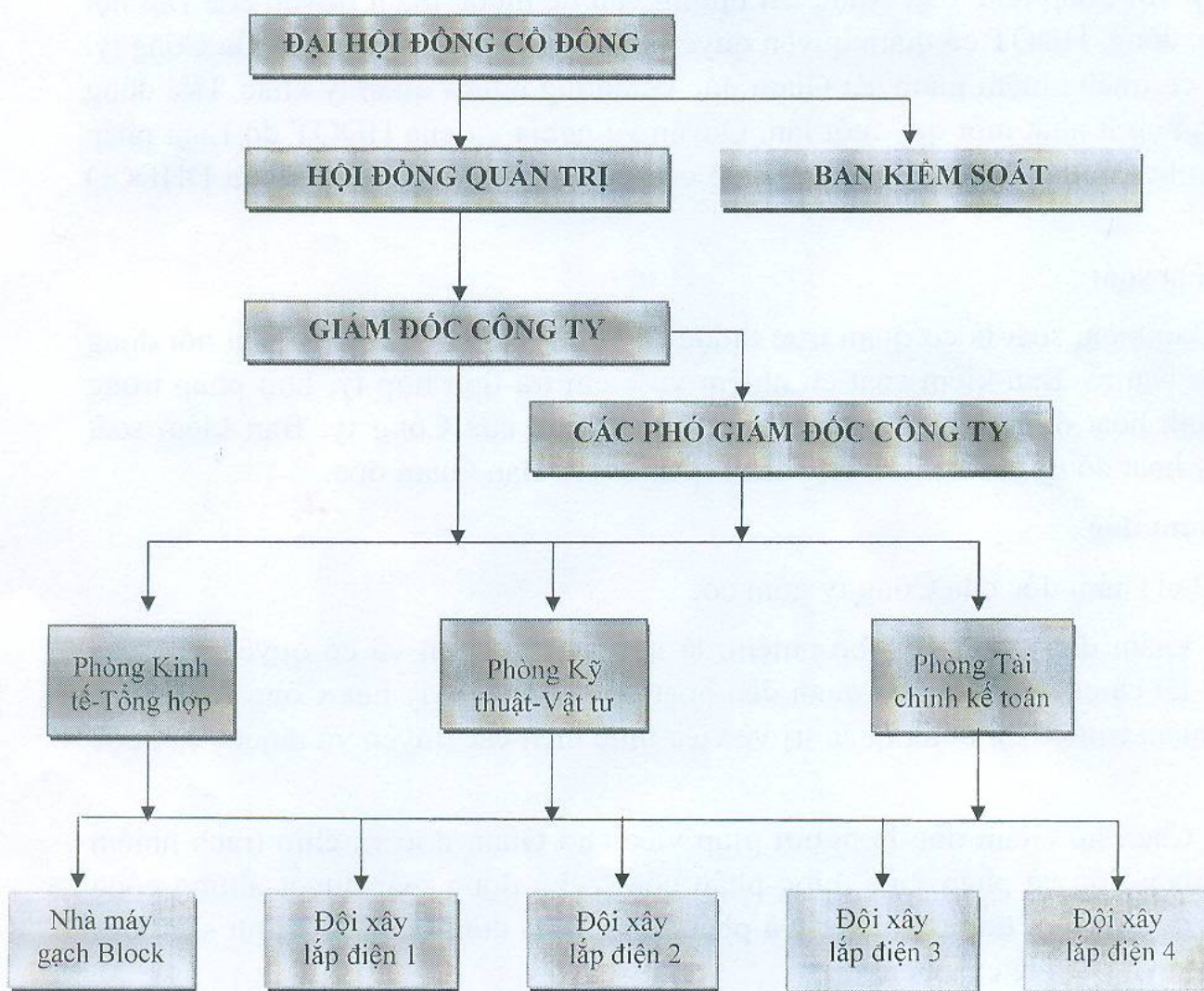
3. Sản xuất, mua, bán các loại vật liệu xây dựng (gạch Block, gạch Terrazzo, gạch Daramic), các sản phẩm bê tông.
4. Gia công, chế tạo vật tư, phụ kiện phục vụ cho xây lắp các công trình điện.
5. Sản xuất các sản phẩm cơ khí, cột thép.
6. Thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị, phụ kiện điện trong quá trình xây dựng các công trình điện.

+ Địa bàn kinh doanh:

Địa bàn kinh doanh của Công ty : Cả nước nhưng chủ yếu là ở phía Bắc(từ Hà Tĩnh trở ra.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

+ Mô hình quản trị:



+ Cơ cấu bộ máy quản lý:

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực có thẩm quyền cao nhất của Công ty gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, họp mỗi năm ít nhất 01 lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt, ĐHĐCĐ sẽ quyết định phương hướng, nhiệm vụ phát triển Công ty và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, dài hạn của Công ty; thông qua phương án sử dụng tài sản và phương án đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh và hoàn thiện công nghệ. ĐHĐCĐ cũng là cơ quan bầu, bãi miễn thành viên HĐQT và Ban kiểm soát.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến quản lý và hoạt động của Công ty phù hợp với Pháp luật Việt Nam, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có thẩm quyền quyết định chiến lược phát triển của Công ty. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc và những người quản lý khác. Hội đồng quản trị họp ít nhất một quý một lần. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ quy định.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát Công ty hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty gồm có:

- Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người điều hành và có quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

- Các Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

Các Phòng, Ban chức năng Công ty gồm

Phòng Kinh tế - Tổng hợp

Công tác Kinh tế - Kế hoạch có các nhiệm vụ sau :

Là đầu mối giải quyết các lĩnh vực kế hoạch, kinh doanh, dự toán, đấu thầu các công trình, công tác thị trường và tiêu thụ sản phẩm và có nhiệm vụ chủ yếu:

Xây dựng kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn, ngắn hạn của Công ty, phương án giao khoán và đối chiếu thanh quyết toán vật tư máy thi công, nhân công cho đơn vị; Tổng hợp báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, lập hồ sơ dự thầu các gói thầu thi công xây lắp điện, xây dựng và cung cấp các sản phẩm công nghiệp; thực hiện việc thanh quyết toán công trình với chủ đầu tư và các công tác khác có liên quan.

Công tác Tổ chức lao động có nhiệm vụ chủ yếu:

Chủ trì xây dựng phương án cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty, quy định chức năng, nhiệm vụ, biên chế của các phòng ban, chi nhánh, đơn vị trực thuộc; phương án thành lập, chia tách, sáp nhập, hợp nhất; công tác nhân sự và tuyển dụng lao động, quản lý lao động; công tác thanh toán tiền lương, chế độ chính sách về lao động và các chế độ chính sách đối với người lao động; công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công nhân viên; chủ trì xây dựng một số Quy chế quản trị điều hành của Công ty

Giải quyết các công việc về lĩnh vực hành chính, quản trị của Công ty và có nhiệm vụ chủ yếu sau: Xây dựng, theo dõi và đôn đốc việc thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của Giám đốc; Tổ chức quản lý thực hiện và hướng dẫn thực hiện công tác văn thư, lưu trữ tại Công ty theo quy định của pháp luật; quản lý hoạt động thông tin, liên lạc, tổng hợp thi đua, khen thưởng, kỷ luật, quản lý hệ thống mạng máy tính của Công ty và lập chương trình khai thác ứng dụng máy tính phục vụ hoạt động SXKD; quản lý sử dụng con dấu; Tổ chức và phục vụ các hội nghị, cuộc họp, làm việc, tiếp khách của lãnh đạo Công ty; Quản lý tài sản của Công ty, bao gồm: cơ sở vật chất, nhà cửa, trang thiết bị văn phòng và các lĩnh vực công tác khác có liên quan.

Theo dõi và quản lý chăm sóc sức khỏe của người lao động trong Công ty, tổ chức khám sức khỏe định kỳ, sức khỏe cho lao động làm việc trên cao, đề xuất nghỉ dưỡng phục hồi sức khỏe tại chỗ cho người lao động. Theo dõi, lập kế hoạch mua sắm và cấp phát các phương tiện bảo hộ lao động.

Thực hiện công tác thanh tra bảo vệ, quân sự, tự vệ của Công ty theo quy định của pháp luật và các lĩnh vực công tác khác có liên quan.

Phòng Kỹ thuật - Vật tư

Phòng Kỹ thuật Vật tư là đầu mối giải quyết các lĩnh vực công tác kỹ thuật thi công các công trình điện, công trình công nghiệp và dân dụng, nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ, chất lượng sản phẩm, sở hữu công nghiệp; kỹ thuật an toàn và vật tư thiết bị, xe máy thi công và có nhiệm vụ chủ yếu sau: Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án tổ chức thi công các công trình nguồn điện, lưới điện, các công trình công nghiệp và dân dụng; biên soạn, tổ chức thực hiện các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, kỹ thuật an toàn trong Công ty; tổ chức thực hiện các chương trình nghiên cứu ứng dụng khoa học, phát triển công nghệ sáng kiến cải tiến kỹ thuật; chủ trì xây dựng định mức kinh tế kỹ

thuật, tiêu chuẩn sản phẩm; xây dựng biện pháp về việc bảo đảm an toàn sản xuất, an toàn lao động; chủ trì tổ chức thực hiện công tác nghiệm thu, lập đầy đủ hồ sơ nghiệm thu và lập hồ sơ nghiệm thu công trình, hồ sơ hoàn công công trình; bàn giao công trình cho chủ đầu tư.

Mua sắm quản lý vật tư, thiết bị xe máy phục vụ sản xuất, thanh quyết toán tiêu hao vật tư nhiên liệu với các chủ đầu tư, phê duyệt quyết toán thanh toán tiêu hao vật tư cho các đơn vị thi công.

Thực hiện công tác đền bù giải phóng mặt bằng phục vụ thi công.

Thực hiện công tác bồi dưỡng nghề thi nâng bậc, bồi huấn nghiệp vụ quản lý kỹ thuật cho CBCNV trong Công ty.

Phòng Tài chính - Kế toán

Phòng Tài chính Kế toán là đầu mối giải quyết các lĩnh vực công tác tài chính, kế toán, tổ chức hệ thống kế toán và có nhiệm vụ chủ yếu: Quản lý, theo dõi, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các chế độ về tài chính, kế toán và quản lý tài sản; lập kế hoạch tài chính hàng năm, kế hoạch vốn phục vụ hoạt động SXKD và cơ cấu nguồn vốn cho các dự án đầu tư, vốn cho hoạt động thi công xây dựng các công trình; đề xuất phương án huy động vốn; tổng hợp chi phí sản xuất, phân tích hoạt động tài chính, xác định kết quả sản xuất kinh doanh, phương án trích lập các quỹ; đề xuất các biện pháp tháo gỡ khó khăn, chấn chỉnh công tác quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty và các công tác khác có liên quan.

Các đơn vị trực thuộc Công ty

▪ Nhà máy sản xuất gạch Block

Là đơn vị sản xuất hạch toán phụ thuộc trực thuộc Công ty hoạt động trên các lĩnh vực: Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 500 KV; gia công cấu kiện thép; xây dựng dân dụng; xây dựng công nghiệp; kinh doanh vận tải.

▪ Đội xây lắp điện 1, đội xây lắp điện 2, đội xây lắp điện 3, đội xây lắp điện 4

Là đơn vị xây lắp điện hạch toán phụ thuộc trong Công ty, thực hiện các nhiệm vụ: Xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 500 KV, xây dựng dân dụng, công nghiệp. Trụ sở của đội tại văn phòng công ty, trên tuyến trụ sở của đội di chuyển theo công trình, lực lượng lao động của đội gồm đội trưởng, 1 đội phó, 1 nhân viên giúp việc và 20 - 22 công nhân kỹ thuật, các đội sản xuất. Ngoài lực lượng lao động thuộc biên chế đội, thường xuyên thuê nhân công tại chỗ để thực hiện những công việc đơn giản như đào đúc móng, vận chuyển vật tư...

+ Các công ty con, công ty liên kết:

Hiện tại công ty cổ phần xây dựng điện VNECO2 không có công ty con và công ty liên kết nào.

5. Định hướng phát triển trong thời gian tới

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Mục tiêu phát triển của VNECO2 là trở thành một Công ty vững mạnh phù hợp với chiến lược phát triển của tổ hợp VNECO, với các lĩnh vực chủ yếu là xây dựng, sản xuất công nghiệp, đồng thời đẩy mạnh đầu tư với hai hướng trọng tâm là:

Đầu tư chiều sâu mua sắm trang thiết bị, dụng cụ thi công hiện đại, công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao năng lực Công ty .

Đầu tư nguồn nhân lực từ bộ máy lãnh đạo, các phòng ban nghiệp vụ đến người lao động trực tiếp trên công trường bằng các hình thức tuyển dụng, đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao trình độ đáp ứng vị trí công việc, nhiệm vụ được giao.

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Trọng tâm đẩy mạnh và phát triển ngành nghề chính về xây lắp điện và sản xuất vật liệu xây dựng không nung.

Có chiến lược khai thác lợi thế về đất đai ở khu vực Vinh và Thị xã Cửa Lò.

Phấn đấu đạt mức tăng trưởng nhanh và bền vững, hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước, nâng cao mức cổ tức hàng năm cho các cổ đông, giải quyết việc làm, thường xuyên cải thiện điều kiện làm việc và tăng thu nhập cho người lao động.

Thực hiện 3 chương trình lớn đã đề ra là: Chương trình hiện đại hoá doanh nghiệp, chương trình nâng cao chất lượng công trình, sản phẩm và chương trình tiết kiệm, chống lãng phí.

+ Các rủi ro:

- Rủi ro về mặt kinh tế: Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng, sản xuất kinh doanh nguyên vật liệu cũng chịu ảnh hưởng không nhỏ từ sự suy giảm của nền kinh tế do sự sụt giảm nhu cầu xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng bởi tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu cũng như các chính sách cắt giảm đầu tư công của Chính Phủ.

- Rủi ro về mặt pháp luật: Là doanh nghiệp cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước, hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và thị trường chứng khoán, Luật xây dựng, Luật đầu tư. Do luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Rủi ro về nguyên vật liệu: các nguyên liệu như sắt thép, kim loại màu, xi măng, cát , đá và nhiên liệu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí. Do vậy những biến động về giá cả các chủng loại sắt thép, giá các nguyên vật liệu xây dựng khác cũng

như giá xăng dầu đã ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Rủi ro về chiếm dụng vốn: Đây là rủi ro đặc thù của các đơn vị xây lắp. Sau khi hoàn thành các hạng mục của mình, Công ty thường phải đợi các hạng mục khác của dự án được thực hiện và chờ Chủ đầu tư thực hiện quyết toán, kiểm toán. Thời gian thanh quyết toán kéo dài càng lâu thì thời gian bị chiếm dụng vốn của Công ty càng dài và tác động đến cơ cấu vốn và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

- Rủi ro về tiến độ: Ngành xây dựng điện có tính không ổn định, phụ thuộc vào các hợp đồng xây lắp được ký kết. Quá trình thực hiện phụ thuộc nhiều vào tiến độ cung cấp vật tư từ chủ đầu tư hay công tác đền bù giải phóng mặt bằng. Ngoài ra do đặc thù công việc chủ yếu làm việc ngoài trời nên phụ thuộc vào yếu tố thời tiết. Việc thời gian thi công bị kéo dài, chậm tiến độ thường khiến cho chi phí hoạt động của Công ty tăng lên dẫn tới tỷ suất lợi nhuận giảm.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

+ *Kết quả hoạt động SXKD trong năm:*

| T T | Chỉ tiêu | ĐV T | Thực hiện | | Kế hoạch 2013 | Tỷ lệ hoàn thành so với | |
|--------|---|---------|-----------|------------|------------------|----------------------------|------------|
| | | | Năm 2012 | Năm 2013 | | Năm 2012 | KH 2013 |
| 1 | Vốn điều lệ | Tr.đ | 21.588,80 | 21.588,80 | 21.588,80 | 100% | 100% |
| 2 | Giá trị tổng sản lượng | Tr.đ | 83.000,00 | 120.000,00 | 85.000,00 | 145% | 141% |
| 3 | Doanh thu | Tr.đ | 24.064,72 | 39.363,15 | 25.000,00 | 164% | 157% |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | Tr.đ | 410,99 | 4.660,55 | 3.627,00 | 1134% | 128% |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | Tr.đ | 341,60 | 3.495,42 | 2.720,00 | 1023% | 129% |
| 6 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ | % | 1,58 | 16,19 | 12,60 | 1023% | 129% |
| 7 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu | % | 1,42 | 8,88 | 10,88 | 626% | 82% |

+ *Tình hình thực hiện so với kế hoạch:*

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013 về tổng sản lượng, doanh thu và thu nhập bình quân của người lao động đều đạt và vượt mức kế hoạch đề ra.

Tổng doanh thu tăng 63,6% so với năm 2012, đạt 157,5% so với kế hoạch đề ra.

Lợi nhuận sau thuế 3.495,4 triệu đồng tăng 1023% so với năm 2012 và đạt 128,5% so với kế hoạch.

Qua số liệu ở bảng tổng hợp kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế trên chúng ta nhận thấy tình hình sản xuất – kinh doanh của công ty đạt được kết quả vượt bậc so với năm 2012, vượt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2013 do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 đặt ra.

2. Tổ chức và nhân sự

+ Danh sách ban điều hành:

Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

1. Ông Nguyễn Đẩu Thảo Giám đốc công ty

Giới tính: Nam

Năm sinh: 24/04/1958

Nơi sinh: Đô Lương, Nghệ An

Số CMTND 186540121 Cấp ngày 19/10/2010 Nơi cấp: CA Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Đà Sơn, Đô Lương, Nghệ An

Địa chỉ thường trú: Số 26 ngõ 19 Hải Thượng Lãn Ông, P,Hà Huy Tập,Vinh,Nghệ An

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế năng lượng

Quá trình công tác:

01/1983 - 03/1990 Cán bộ phòng Kế hoạch Công ty Xây lắp điện Nghệ Tĩnh

04/1990 - 09/1994 Trưởng phòng Kế hoạch Xí nghiệp Xây dựng Điện và Vật tư, Công ty Xây lắp điện 3

10/1994 - 10/1997 Phó Giám đốc XN XD điện và Vật tư, Công ty Xây

| | |
|-------------------------------|--|
| | lắp điện 3 |
| 11/1997 - 5/2003 | Giám đốc XN XD điện và Vật tư, Công ty Xây lắp điện 3 |
| 06/2003 - 10/2004 | Giám đốc Công ty Xây lắp điện 3.2, Công ty Xây lắp điện 3 |
| 11/2004 đến nay | Chủ tịch HĐQT, Giám đốc CTCP Xây dựng điện VNECO2 |
| Chức vụ hiện nay: | Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc công ty |
| 2. Ông Nguyễn Duy Thân | Phó giám đốc công ty |
| Giới tính: | Nam |
| Năm sinh: | 17/10/1971 |
| Nơi sinh: | Hậu Thành, Yên Thành, Nghệ An |
| Số CMTND | 181648096 Cấp ngày 11/04/2002 Nơi cấp: CA Nghệ An |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Dân tộc: | Kinh |
| Quê quán: | Hậu Thành, Yên Thành, Nghệ An |
| Địa chỉ thường trú: | Số 1 - Ngách 28 - Ngõ 50 - Xóm Xuân Hùng - Hưng Lộc - Vinh - Nghệ An |
| Trình độ văn hoá: | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn: | Kỹ sư xây dựng |
| Quá trình công tác | |
| 08/1995 - 03/1997 | Cán bộ kỹ thuật Xí nghiệp 2, Công ty xây dựng I Nghệ An |
| 04/1997 - 05/2002 | Cán bộ kỹ thuật Xí nghiệp 102, Công ty xây dựng I Nghệ An |
| 06/2002 - 05/2003 | Cán bộ kỹ thuật Xí nghiệp Xây dựng Điện & Vật tư |
| 06/2003 - 12/2004 | Phó phòng kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3.2 |

01/2005 - 03/2008 Trưởng phòng Kỹ thuật- Vật tư Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2

04/2008 – 04/2013 Thành viên HĐQT, Phó giám đốc Công ty cổ phần XD điện VNECO2

04/2013 đến nay Phó giám đốc Công ty cổ phần XD điện VNECO2

Chức vụ hiện nay: Phó giám đốc Công ty cổ phần XD điện VNECO2

3. Ông Nguyễn Thế Hùng Phó giám đốc công ty

Giới tính: Nam

Năm sinh: 27/09/1967

Nơi sinh: Thanh Tường, Thanh Chương, Nghệ An

Số CMTND 181562590 Cấp ngày: 08/02/2006 Nơi cấp: CA Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Thanh Tường, Thanh Chương, Nghệ An

Địa chỉ thường trú: Phường Lê Lợi, TP Vinh, Nghệ An

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

01/1990 - 11/1998 Cán bộ Kế toán Công ty Xây lắp điện Nghệ An

12/1998 - 06/2003 Phó phòng Kế toán Công ty Xây lắp điện Nghệ An

07/2003 - 12/2004 Phó phòng, phụ trách phòng Kế toán Công ty Xây lắp điện 3.2

01/2005 - 09/2010 Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty CP Xây dựng điện VNECO2

09/2010 – 04/2013 Thành viên HĐQT, Phó giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2

| | |
|----------------------------|--|
| 04/2013 đến nay | Thành viên HĐQT, Phó giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2 |
| Chức vụ hiện nay: | Thành viên HĐQT, Phó giám đốc kiêm kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2 |
| 4. Ông Mạnh Xuân Kỳ | Phó Giám đốc công ty |
| Giới tính: | Nam |
| Năm sinh: | 23/10/1967 |
| Nơi sinh: | Thanh Giang, Thanh Chương, Nghệ An |
| Số CMTND | 182018751 Cấp ngày 25/03/2005 Nơi cấp: CA Nghệ An |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Dân tộc: | Kinh |
| Quê quán: | Thanh Giang, Thanh Chương, Nghệ An |
| Địa chỉ thường trú: | K3 Phường Trường Thi, TP Vinh, Nghệ An |
| Trình độ văn hoá: | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn: | Cử nhân kinh tế |
| Quá trình công tác | |
| 06/1988 - 10/1992 | Công nhân nhà máy Cơ khí Vinh |
| 11/1992 - 09/2002 | Cán bộ kế hoạch xí nghiệp xây dựng Điện & Vật tư, Công ty XLD 3 |
| 10/2002 - 05/2003 | Phó phòng kế hoạch xí nghiệp xây dựng Điện & Vật tư, Công ty XLD 3 |
| 06/2003 - 12/2004 | Trưởng phòng kế hoạch Công ty Xây lắp điện 3.2 |
| 01/2005 - 03/2010 | Thành viên HĐQT, Phó giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2 |
| Từ 03/2010 – 4/2013 | Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO2 |

Từ 04/2013 đến nay Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO2

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO2

4. Ông Nguyễn Thế Hùng Kế toán trưởng

Xem tại Phó giám đốc.

Tình hình biến động nhân sự của Ban điều hành trong năm:

Tháng 05 năm 2013, sau đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013, ông Nguyễn Thế Hùng, Phó giám đốc kiêm Kế toán trưởng thay ông Trần Vĩnh Phương.

Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của Công ty, vì vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Tổng số lượng người lao động trong công ty đến thời điểm 31/12/2013 là 107 người, trong đó:

| Danh mục | Năm 2011 | Tỷ lệ (%) | Năm 2012 | Tỷ lệ (%) | Năm 2013 | Tỷ lệ (%) |
|-----------------------------------|------------|-------------|------------|-------------|------------|-------------|
| Phân theo trình độ người Lao động | | | | | | |
| - Đại học và trên Đại học | 18 | 14% | 15 | 13% | 14 | 13% |
| - Cao đẳng | 7 | 5% | 5 | 4% | 5 | 5% |
| - Trung cấp | 10 | 8% | 5 | 4% | 4 | 4% |
| - Học vấn 12/12 (CNKT) | 65 | 50% | 65 | 54% | 54 | 50% |
| - Lao động phổ thông | 30 | 23% | 30 | 25% | 30 | 28% |
| Tổng cộng | 130 | 100% | 120 | 100% | 107 | 100% |

Do đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là xây lắp các công trình điện nên cần nhiều lực lượng lao động, việc sử dụng nhiều lao động phổ thông tại chỗ là hoàn toàn hợp lý vừa phù hợp với đặc thù ngành lại tiết kiệm được chi phí nhân công. Công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo kỹ thuật ngắn ngày (Kỹ thuật thi công, kỹ thuật an toàn, nội quy lao động) cho công nhân để đảm bảo công trình hoàn thành đạt chất lượng theo đúng thiết kế.

Chính sách đối với người lao động

Chế độ làm việc

Công ty đã xây dựng thoả ước lao động tập thể được Hội nghị người lao động thông qua ngày 18/02/2014 (Đại diện BCH Công đoàn và Giám đốc Công ty đã ký ban hành thực hiện) đã xây dựng nội quy lao động được Sở lao động thương binh xã hội tỉnh Nghệ An công nhận ngày 29/06/2006. Nội quy lao động đã thông báo đến từng người lao động để thực hiện.

* Thực hiện việc ký hợp đồng lao động, trích nộp BHXH, BHYT, BHTN và các quyền lợi khác của người lao động theo đúng quy định của pháp luật;

* Thực hiện đúng các chế độ lương, thưởng, lương tháng thứ 13, vệ sinh an toàn lao động, phúc lợi và các lợi ích khác của người lao động như cam kết trong Thoả ước lao động tập thể;

* Bảo đảm mức lương của người lao động phù hợp với mặt bằng chung trong ngành, trong địa bàn và tình hình thị trường. Thu nhập bình quân của người lao động trong năm 2013 là 5.960.000 đồng/tháng;

* Chú trọng việc đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động, khuyến khích người lao động đăng ký học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

* Bảo đảm chăm sóc sức khoẻ y tế, đặc biệt là đối với lao động nữ;

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Về tuyển dụng: Công ty ban hành quy chế tuyển dụng lao động và thực hiện việc tuyển dụng nhân sự qua các nguồn học sinh tốt nghiệp các trường Đại học, Cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và các trường công nhân kỹ thuật trên địa bàn các tỉnh miền Trung và miền Bắc. Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút những người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật, tay nghề, năng lực thực tiễn đáp ứng yêu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh, phát triển các lĩnh vực sản xuất điện năng, sản xuất công nghiệp và kinh doanh dịch vụ. Đối với các vị trí chủ chốt, yêu cầu tuyển dụng rất khắt khe, các tiêu chuẩn bắt buộc về trình độ chuyên môn, năng lực quản lý, khả năng phân tích dự báo và có mong muốn gắn bó với Công ty.

Đào tạo: Công tác đào tạo, bồi dưỡng được Công ty quan tâm, chú trọng. Hàng năm, Công ty tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ quản lý và tay nghề cho công nhân viên. Hình thức đào tạo tập trung, đào tạo kèm cặp và gửi đi đào tạo tại các trường và các trung tâm. Đối với lao động mới tuyển dụng, Công ty tổ chức đào tạo nghiệp vụ để trang bị cho người lao động những kiến thức, kỹ năng cần thiết phục vụ cho công việc. Ngoài ra, tạo điều kiện bố trí công việc phù hợp để những lao động có khả năng phát triển mà có nhu cầu học tập nâng cao trình độ đi học các khoá đào tạo tập trung, đào tạo tại chức tại các trường đại học.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Công ty xây dựng và thực hiện chính sách tiền lương phù hợp với đặc trưng của ngành nghề kinh doanh và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước. Việc trả lương được căn cứ vào trình độ, năng lực, gắn với hiệu quả công việc của cán bộ, công nhân viên từ đó khuyến khích người lao động làm việc hăng say, tăng năng suất góp phần xây dựng và phát triển Công ty. Công ty có chính sách đãi ngộ xứng đáng để khuyến khích động viên nhân viên giỏi và thu hút lao động có trình độ, năng lực từ các nơi khác về làm việc cho Công ty.

Chính sách khen thưởng phúc lợi: Để kịp thời khuyến khích, động viên, tuyên dương lao động giỏi, lao động có sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong sản xuất, tích cực cải tiến phương pháp làm việc, Công ty thực hiện chính sách thưởng định kỳ và thưởng đột xuất cho những người đã có đóng góp tích cực đem lại hiệu quả kinh tế cho Công ty.

Hàng năm, Công ty tổ chức cho cán bộ công nhân viên, lao động giỏi đi nghỉ mát, thăm quan du lịch trong và ngoài nước, tổ chức nghỉ điều dưỡng tại chỗ, tổ chức khám định kỳ cho cán bộ công nhân viên. Tích cực tham gia hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia với Tổng Công ty tổ chức hội diễn văn nghệ công nhân lao động, hội thao thể thao trong cả tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con tạo điều kiện cho cán bộ, công nhân viên được nâng cao đời sống tinh thần và rèn luyện sức khoẻ, tăng cường giao lưu giữa các đơn vị trong cả tổ hợp.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

a, Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm 2013 Công ty không có các khoản đầu tư và dự án lớn nào

b, Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty không có các công ty con, công ty liên kết

4. Tình hình tài chính

a, Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu | Năm 2012 | Năm 2013 | Ghi chú |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|----------------|
| Tổng giá trị tài sản | 36.652.125.009 | 62.556.307.815 | |
| Doanh thu thuần | 24.064.724.206 | 39.363.147.408 | |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 407.914.026 | 5.435.816.690 | |
| Lợi nhuận khác | 3.077.556 | -775.362.006 | |
| Lợi nhuận trước thuế | 410.991.582 | 4.660.554.684 | |
| Lợi nhuận sau thuế | 341.601.010 | 3.495.416.016 | |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | | | |

b, Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Các chỉ tiêu | Năm 2012 | Năm 2013 | Ghi chú |
|---|----------|----------|---------|
| Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: | 2,25 lần | 1,58 lần | |
| + Hệ số thanh toán nhanh: | 1,56 lần | 1,44 lần | |
| Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 39% | 59% | |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 64% | 145% | |
| Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho: | 2,97 lần | 6,52 lần | |
| + Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 66% | 79,4% | |
| Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 1,4% | 9% | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 1,5% | 16,2% | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 1% | 5,6% | |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 1,9% | 13,8% | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần : 2.158.880 cổ phần

Loại cổ phần đang lưu hành: 2.098.080 Cổ phiếu phổ thông mệnh giá 10.000đ/cổ phiếu.

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 2.074.340

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 23.740

b, Cơ cấu cổ đông:

| Danh mục | Giá trị cổ phiếu (10.000 VND) | Tỷ lệ % | Số lượng cổ đông | Cơ cấu cổ đông | |
|----------|-----------------------------------|---------|------------------|----------------|----|
| | | | | Tổ | Cá |
| | | | | | |

| | | | | chức | nhân |
|--|------------------|------------|------------|----------|------------|
| Cổ đông lớn (nắm giữ từ 5% cổ phiếu trở lên có quyền biểu quyết) | 806.617 | 37,36 | 2 | 1 | 1 |
| Cổ đông nắm giữ từ 1 đến dưới 5% có quyền biểu quyết | 676.909 | 31,36 | 14 | 1 | 13 |
| Cổ đông nắm giữ dưới 1% có quyền biểu quyết | 675.354 | 31,28 | 273 | 6 | 278 |
| Tổng cộng | 2.158.880 | 100 | 300 | 8 | 292 |
| Bao gồm | | | | | |
| Cổ đông trong nước | 2.139.764 | 99,11 | 297 | 8 | 289 |
| Cổ đông nước ngoài | 19.116 | 0,89 | 3 | 0 | 3 |

c, Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm không có sự thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

d, Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 60.800 CP

Trong năm 2013 không có biến động về cổ phiếu quỹ.

e, Các chứng khoán khác:

Trong năm không có đợt phát hành chứng khoán khác nào.

III. Báo cáo của Ban Giám đốc

1.Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013 về tổng sản lượng, doanh thu và thu nhập bình quân của người lao động đều đạt và vượt mức kế hoạch đề ra.

Những tiến bộ công ty đã đạt được:

- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Tăng cường công tác đấu thầu và tìm kiếm việc làm, nhận được công trình có giá trị lớn.

Công ty tiếp tục bổ sung và hoàn thiện các quy chế, quy định, phân công chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Công ty đã ban hành cho phù hợp với

tình hình thực tế như: Quy chế giao khoán, quy chế tiền lương, quy chế quản lý tài chính vv... nhằm nâng cao hiệu quả điều hành, quản lý Công ty.

- Các biện pháp kiểm soát:

- Thông qua các báo cáo quyết toán tháng, và Báo cáo Tài chính quý, bán niên.

- Báo cáo của các Phó Giám đốc, Phòng nghiệp vụ .

- Báo cáo nhanh hàng tuần.

- Kiểm tra cơ sở và các cuộc họp giao ban định kỳ (tháng 02 lần).

- Các công cụ đo lường, đánh giá theo các tiêu chí và mục tiêu chất lượng của hệ thống, quy chế kiểm soát nội bộ.

2. Tình hình tài chính

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2012 | Năm 2013 |
|----------|---|-----|----------|----------|
| 1 | Cơ cấu tài sản | | | |
| | Tài sản cố định / Tổng tài sản | % | 11,32 | 6,36 |
| | Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản | % | 87,80 | 93,5 |
| | Tài sản dài hạn / Tổng tài sản | % | 12,20 | 6,5 |
| 2 | Cơ cấu nguồn vốn | | | |
| | Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn | % | 39,15 | 59,17 |
| | Nợ vay phải trả / Tổng nguồn vốn | % | 15,47 | 31,10 |
| | Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn | % | 60,84 | 40,82 |
| 3 | Khả năng thanh toán | | | |
| | Tổng tài sản / Tổng nợ phải trả | Lần | 2,55 | 1,68 |
| | Tổng tài sản ngắn hạn/ Tổng nợ ngắn hạn | Lần | 2,57 | 1,69 |
| | Tổng tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn / Tổng nợ ngắn hạn | Lần | 0,17 | 0,10 |
| 4 | Tỷ suất sinh lời | | | |
| | Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản | % | 1 | 5,58 |
| | Lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu | % | 1,5 | 16,2 |

| | | | |
|--------------------------------------|---|-----|------|
| Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần | % | 1,4 | 8,87 |
|--------------------------------------|---|-----|------|

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty:

- Công ty hoạt động bình thường, đạt được sự tăng trưởng tốt, bền vững.
- Công ty đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động, chuẩn bị các điều kiện để mở rộng sản xuất cho những năm tiếp theo.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc công ty:

- Ban giám đốc đã phát huy được vai trò điều hành Công ty trong năm 2013 theo đúng điều lệ, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị thấy rằng cần phải nâng cao hơn nữa năng lực quản lý của Ban giám đốc và bộ máy điều hành trong thời gian tới

3. Các kế hoạch, định hướng Hội đồng quản trị:

- Tập trung ổn định bộ máy, nâng cao năng lực chỉ đạo điều hành của cán bộ.
- Tuân thủ điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong việc chỉ đạo, định hướng phát triển Công ty.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

| TT | Họ và tên | Chức vụ | Ghi chú |
|----|-------------------|------------|------------------------------------|
| 1 | Nguyễn Đậu Thảo | Chủ tịch | |
| 2 | Nguyễn Thế Hùng | Thành viên | |
| 3 | Mạnh Xuân Kỳ | Thành viên | |
| 4 | Phạm Văn Tạo | Thành viên | Thành viên độc lập không điều hành |
| 5 | Lê Thị Thu Phượng | Thành viên | Thành viên độc lập không điều hành |

- Hội đồng quản trị có 5 thành viên trong đó có 3 thành viên bên trong và 2 thành viên độc lập.

- Hội đồng quản trị có ông Nguyễn Đậu Thảo là thành viên Hội đồng quản trị của Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt nam, còn lại không có thành viên nào nắm giữ chức danh tại các Công ty khác.

- Chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc Công ty

* Tỷ lệ sở hữu cổ phần

| Họ và tên | Cổ phần đại diện Nhà nước | Cổ phần sở hữu cá nhân | Tổng số cổ phần | Tỷ lệ % |
|-------------------|---------------------------|------------------------|-----------------|---------|
| Nguyễn Đậu Thảo | | 127.542 | 127.542 | 5,91% |
| Nguyễn Thế Hùng | 679.075 | 32.619 | 711.694 | 32,97% |
| Mạnh Xuân Kỳ | | 11.600 | 11.600 | 0,55% |
| Phạm Văn Tạo | | 11.798 | 11.798 | 0,56% |
| Lê Thị Thu Phượng | | 46.400 | 46.400 | 2,15% |

b, Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban

c, Hoạt động của Hội đồng Quản trị

- Các cuộc họp của HĐQT:

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự |
|-----|-----------------------|------------|---------------------|-------|----------------------|
| 1 | Ông: Nguyễn Đậu Thảo | Chủ tịch | 5 | 100% | |
| 2 | Ông: Nguyễn Thế Hùng | Thành viên | 5 | 100% | |
| 3 | Ông: Mạnh Xuân Kỳ | Thành viên | 4 | 100% | Bầu tháng 4 năm 2013 |
| 4 | Ông: Phạm Văn Tạo | Thành viên | 4 | 100% | Bầu tháng 4 năm 2013 |
| 5 | Bà: Lê Thị Thu Phượng | Thành viên | 5 | 100% | |

- Tất cả các cuộc họp trên của HĐQT đều mời các thành viên BKS dự họp và các thành viên BKS đều tham gia đầy đủ.

2. Ban kiểm soát

| TT | Họ và tên | Chức vụ | Ghi chú |
|----|-----------------|------------|---------|
| 1 | Trần Đình Quý | Trưởng ban | |
| 2 | Nguyễn Huy Hoài | Thành viên | |
| 3 | Nguyễn Minh Sơn | Thành viên | |

- Ban kiểm soát có 3 thành viên đều là thành viên bên trong công ty
- Trưởng ban kiểm soát là thành viên bên trong Công ty

*** Tỷ lệ sở hữu cổ phần**

| Họ và tên | Cổ phần đại diện Nhà nước | Cổ phần sở hữu cá nhân | Tổng số cổ phần | Tỷ lệ % |
|-----------------|---------------------------|------------------------|-----------------|---------|
| Trần Đình Quý | | 11.600 | 11.600 | 0,55% |
| Nguyễn Huy Hoài | | 10.208 | 10.208 | 0,49% |
| Nguyễn Minh Sơn | | 17.481 | 17.481 | 0,83% |

- Ban kiểm soát hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của công ty. Nội dung hoạt động chủ yếu của Ban kiểm soát là kiểm tra việc chấp hành Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, công tác tổ chức quản lý điều hành việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, việc thực hiện chế độ chính sách pháp luật của Nhà nước và các quy chế, quy định của công ty đã ban hành. Xem xét báo cáo tài chính hàng quý, năm; đóng góp ý kiến về cơ cấu tổ chức, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

| STT | Thành viên BKS | Chức vụ | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự |
|-----|-----------------|------------|---------------------|-------|----------------------|
| 1 | Trần Đình Quý | Trưởng ban | 5 | 100% | |
| 2 | Nguyễn Huy Hoài | Thành viên | 5 | 100% | |
| 3 | Nguyễn Minh Sơn | Thành viên | 4 | 80% | Bầu tháng 4 năm 2013 |

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a, Lương thưởng thù lao và các khoản lợi ích:

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được hưởng thù lao theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Tổng số tiền đã chi trong năm 2013 là 103.200.000 đồng. Trong đó:

- + Chủ tịch HĐQT : 18.000.000 đồng
- + Từng thành viên HĐQT : 12.000.000 đồng

- + Trưởng Ban kiểm soát : 12.000.000 đồng
- + Từng thành viên Ban kiểm soát : 8.400.000 đồng
- + Thư ký công ty 8.400.000 đồng

b, Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Không.

- VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán:

- Đơn vị kiểm toán độc lập :

Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn tài chính Quốc tế.

Địa chỉ: Phòng 3203 – tầng 32 – Nhà 34T – Khu đô thị Trung Hòa – Nhân Chính – Quận Cầu Giấy – TP Hà Nội.

Điện thoại: +84 4 222 12 891; Fax: + 84 4 222 12 892.

Email: ifc@ifc.vietnam.com.vn

Website: www.ifcvietsiam.com.vn.

- Ý kiến kiểm toán độc lập:.

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

(có phụ lục kèm theo)

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO2

CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN ĐẬU THẢO